

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1992/QĐ-ĐHH

Huế, ngày 05 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Huế
giai đoạn 2011 – 2015 và tầm nhìn 2020

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21/6/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cho Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-ĐHH-TCNS ngày 22/01/2009 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Đại học Huế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Huế giai đoạn 2011 – 2015 và tầm nhìn 2020.

Điều 2. Kế hoạch chiến lược phát triển Đại học Huế giai đoạn 2011 – 2015 và tầm nhìn 2020 là cơ sở để xây dựng phương hướng nhiệm vụ hàng năm và từng giai đoạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó giám đốc ĐHH;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Toàn

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG.....	3
PHẦN 2. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG CỦA ĐẠI HỌC HUẾ.....	4
2.1. Bối cảnh	4
<i>2.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực.....</i>	<i>4</i>
<i>2.1.2. Bối cảnh trong nước.....</i>	<i>5</i>
<i>2.1.3. Đánh giá tác động.....</i>	<i>8</i>
<i>2.1.4. Dự báo phát triển của các lĩnh vực kinh tế - xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực</i>	<i>11</i>
2.2. Thực trạng của Đại học Huế	12
<i>2.2.1. Bộ máy tổ chức.....</i>	<i>12</i>
<i>2.2.2. Đào tạo.....</i>	<i>14</i>
<i>2.2.3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.....</i>	<i>15</i>
<i>2.2.4. Đội ngũ cán bộ</i>	<i>16</i>
<i>2.2.6. Hợp tác quốc tế và quan hệ với môi trường kinh tế - xã hội.....</i>	<i>18</i>
<i>2.2.7. Tài chính</i>	<i>19</i>
2.3. Đánh giá điểm mạnh – điểm yếu và cơ hội – thách thức	20
<i>2.3.1. Điểm mạnh.....</i>	<i>20</i>
<i>1.3.2. Điểm yếu</i>	<i>20</i>
<i>2.3.3. Cơ hội.....</i>	<i>21</i>
<i>2.3.4. Thách thức.....</i>	<i>22</i>
PHẦN 3. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC.....	23
3.1. Vai trò, vị trí và các căn cứ xây dựng Kế hoạch chiến lược (KHCL).....	23
<i>3.1.1. Vai trò, vị trí.....</i>	<i>23</i>
<i>3.1.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch chiến lược.....</i>	<i>23</i>

3.2. Sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị giáo dục	24
3.2.1. Tuyên bố Sứ mạng.....	24
3.2.2. Tầm nhìn đến năm 2020	25
3.2.3. Hệ thống giá trị cơ bản	25
3.3. Mục tiêu chiến lược	25
3.3.1. Mục tiêu tổng quát.....	25
3.3.2. Mục tiêu cụ thể	25
3.4. Các giải pháp chiến lược.....	26
3.4.1. Chuẩn hoá quy trình và nâng cao hiệu lực quản lý.....	26
3.4.2. Nâng cao tính linh hoạt và phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu phát triển vùng và khu vực.....	27
3.4.3. Nâng cao hiệu quả và sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và nhu cầu thực tiễn.....	29
3.4.4. Phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức theo hướng chuẩn hoá phù hợp với vai trò và vị trí của một đại học vùng trọng điểm	30
3.4.5. Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế nhằm đưa Đại học Huế trở thành một đầu mối giao lưu, hợp tác với các tổ chức, đại học uy tín trong khu vực và thế giới	31
3.4.6. Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính để hiện đại hoá cơ sở vật chất và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm.....	32
3.5. Các chương trình hành động chiến lược	33
3.5.1. Các chương trình chung	33
3.5.2. Các chương trình đặc thù.....	36
3.6. Tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá kết quả đạt được	37
3.6.1. Tổ chức thực hiện.....	37
3.6.2. Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả.....	37

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

Đại học Huế, tiền thân là Viện Đại học Huế được thành lập vào tháng 3 năm 1957 và tái tổ chức lại năm 1994 theo Nghị định 30CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ.

Trải qua 55 năm xây dựng và phát triển (1957 – 2012), hiện nay Đại học Huế có 07 trường đại học thành viên: Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Y Dược, Trường Đại học Nông lâm, Trường Đại học Nghệ thuật, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Ngoại ngữ; 03 khoa trực thuộc: Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Du lịch, Khoa Luật; Phân hiệu tại tỉnh Quảng Trị; 6 trung tâm đào tạo, nghiên cứu, phục vụ; Viện Tài nguyên Môi trường – Công nghệ Sinh học; Nhà Xuất bản Đại học Huế.

Là một trong năm đại học hai cấp và được Chính phủ xác định là một trong 15 cơ sở giáo dục đại học trọng điểm quốc gia, Đại học Huế có hai nhiệm vụ chính là :

(1) Đào tạo cán bộ các ngành khoa học và công nghệ với các trình độ đại học và sau đại học;

(2) Nghiên cứu khoa học, công nghệ gắn với giảng dạy, đào tạo, thông tin khoa học và chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

Với lợi thế của đại học đa ngành, đa lĩnh vực, trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, các thế hệ cán bộ, viên chức lao động và sinh viên Đại học Huế đã tạo dựng cho mình một vị thế đáng trân trọng trong hệ thống giáo dục đại học quốc gia và quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Miền Trung, Tây Nguyên và cả nước. Năm 2012, Đại học Huế vinh dự đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Nhất của Chủ tịch Nước trao tặng.

PHẦN 2. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG CỦA ĐẠI HỌC HUẾ

2.1. Bối cảnh

2.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã đưa khoa học trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế xã hội; làm thay đổi căn bản những thuộc tính của nền kinh tế, đưa đến sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức. Sự phát triển của kinh tế tri thức trên phạm vi toàn cầu làm thay đổi tương quan giữa lao động trực tiếp và lao động gián tiếp, làm giảm lao động chân tay, tăng lao động trí óc, đưa vai trò của hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo lên vị trí hàng đầu, tạo ra nhu cầu, cơ hội và các tiền đề quan trọng để phát triển giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng cả về quy mô, đối tượng và chất lượng.

Quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, làm thay đổi căn bản tư duy kinh tế, chính trị và xã hội trên phạm vi toàn thế giới theo xu hướng hội nhập cùng phát triển. Đối với các trường đại học, toàn cầu hóa tạo ra những điều kiện thuận lợi thúc đẩy giao lưu, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao và tiếp nhận công nghệ đào tạo tiên tiến giữa các trường đại học trên thế giới.

Một xã hội thông tin đang phát triển nhanh chóng dựa trên hạ tầng thông tin quốc gia và toàn cầu. Công nghệ thông tin và truyền thông đang thực sự làm thay đổi thế giới, đẩy nhanh hơn nữa quá trình toàn cầu hóa và hình thành một nền kinh tế không biên giới, không có những trở ngại về khoảng cách địa lý cũng như trình độ phát triển, một “Thế giới phẳng” với những điều kiện thuận lợi hơn bao giờ hết cho các trường đại học cung cấp, tìm kiếm, trao đổi, xử lý và sử dụng thông tin phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Bối cảnh quốc tế này đã dẫn đến những thay đổi sâu sắc của giáo dục đại học trên thế giới theo hướng đại chúng hóa, kinh tế hóa, hiện đại hóa và quốc tế hóa.

Quốc tế hóa giáo dục thực chất là một biểu hiện của toàn cầu hóa trong lĩnh vực giáo dục. Đó là quá trình tích hợp và thể chế hóa các yếu tố quốc tế vào chức năng, nhiệm vụ và tiến trình tổ chức thực hiện giáo dục. Quá trình này diễn ra theo hai chiều đo: chiều đo nội tại và chiều đo bên ngoài. Chiều đo nội tại của quốc tế hóa giáo dục là việc đổi mới chương trình giáo dục, phương pháp dạy - học, hoạt động nghiên cứu và hợp tác trong phạm vi của một nước nhằm hướng tới tính

quốc tế và liên thông văn hóa trong giáo dục và đào tạo. Chiều đo bên ngoài của quốc tế hóa giáo dục là sự dịch chuyển xuyên biên giới của bốn nhân tố cơ bản: người học, nhà giáo, chương trình giáo dục và cơ sở giáo dục. Quá trình quốc tế hóa giáo dục đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển giáo dục đại học của các nước, tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các cơ sở đào tạo đại học ở cả các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển. Tính cạnh tranh trong giáo dục trở nên gay gắt hơn trước đây.

Để có thể thích ứng với xu thế của toàn cầu hóa, sự phát triển của khoa học và công nghệ và kinh tế tri thức, các trường đại học trên thế giới đã không ngừng đổi mới theo một chiến lược nhất quán với tầm nhìn rộng. Chiến lược phát triển của một số đại học hàng đầu trên thế giới nhìn chung đều nhằm vào việc xây dựng và phát triển năng lực cốt lõi và những năng lực phân biệt để tạo lợi thế cạnh tranh bền vững và lâu dài; tăng cường đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội của quốc gia hay địa phương; và lấy người học làm trung tâm trong quá trình đào tạo theo hướng cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng phù hợp với thời đại và đòi hỏi của thị trường lao động mang tính toàn cầu.

2.1.2. Bối cảnh trong nước

Bối cảnh phát triển trong nước của Đại học Huế được đặc trưng bởi những yếu tố và sự kiện chính sau:

i. Năm 2006 Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

Trở thành thành viên chính thức của WTO, một tổ chức kinh tế lớn nhất hành tinh, Việt Nam đang thực sự hội nhập với nền kinh tế toàn cầu cùng với những cơ hội và thách thức vô cùng to lớn. Việc Việt Nam gia nhập WTO cũng đặt ra trước ngành giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục đại học những nhiệm vụ vô cùng to lớn trong việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế gia tăng.

ii. Sự phát triển nhanh và ổn định của nền kinh tế

Tình hình đất nước sau 25 năm đổi mới đạt được nhiều tiến bộ quan trọng về mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng ổn định và ở mức cao so với khu vực và trên thế giới, trung bình khoảng 7%/năm trong 5 năm từ 2006-2010. Văn hóa xã hội có những tiến bộ, đời sống nhân dân tiếp tục được

cải thiện. Với những thành tựu đó, Đại hội lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu trong 5 năm tới (2011-2015) là “phát triển kinh tế nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghiệp, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao...” Để đạt được các mục tiêu trên, Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội chủ yếu. Liên quan đến nhiệm vụ phát triển nguồn lực con người, Đại hội chỉ rõ: “Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực; phát triển khoa học công nghệ và kinh tế tri thức” với chỉ tiêu đề ra là “tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%”.

iii. Chính sách đổi mới giáo dục đại học của Đảng và Nhà nước

Luật giáo dục năm 2005 tạo hành lang pháp lý cho sự phát triển vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền giáo dục nước ta, khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục đại học dưới nhiều hình thức và tạo cơ chế quản lý linh hoạt theo hướng tăng cường quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường đại học.

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP, ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 khẳng định nhiệm vụ cơ bản của ngành giáo dục trong những năm tới là “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Mục tiêu cụ thể của giáo dục đại học Việt Nam trong những năm tới được xác định bao gồm:

- Hoàn chỉnh mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trên phạm vi toàn quốc, có sự phân tầng về chức năng, nhiệm vụ đào tạo, đảm bảo hợp lý cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng miền, phù hợp với chủ trương xã hội hóa giáo dục

và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của các địa phương;

- Phát triển các chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp - ứng dụng. Bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình trong toàn hệ thống. Xây dựng và hoàn thiện các giải pháp bảo đảm chất lượng và hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Xây dựng một số trường đại học đẳng cấp quốc tế;

- Mở rộng quy mô đào tạo, đạt tỉ lệ 450 sinh viên/1 vạn dân vào năm 2020, trong đó khoảng 70-80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp - ứng dụng và khoảng 40% tổng số sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập;

- Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đại học đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến; bảo đảm tỷ lệ sinh viên/giáo viên của cả hệ thống giáo dục đại học không quá 20; đến năm 2020 có ít nhất 60% giảng viên đạt trình độ thạc sĩ và 35% đạt trình độ tiến sĩ;

- Nâng cao một cách rõ rệt quy mô và hiệu quả của các hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Các trường đại học lớn phải là trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước; nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất và dịch vụ tối thiểu 25% tổng nguồn thu của các cơ sở giáo dục đại học vào năm 2020.

- Hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục đại học theo định hướng đảm bảo quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục đại học, sự quản lý của Nhà nước và vai trò giám sát, đánh giá của xã hội đối với giáo dục đại học.

iv. Những nhân tố mới trong giáo dục đại học

Sự chuyển dịch xuyên biên giới của 4 yếu tố cơ bản là giáo viên, người học, chương trình và cơ sở đào tạo có xu hướng tăng mạnh. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo đại học nước ngoài tại Việt Nam là một thách thức đối với các trường đại học trong nước. Đa số các trường đại học nước ngoài đều xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế, đội ngũ giáo viên có chất lượng cao, thu hút ngày càng nhiều sinh viên trên phạm vi cả nước.

Khuynh hướng nội địa hóa chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong khu vực và trên thế giới đang gia tăng nhanh chóng, nhất là tại các trường đại học lớn của Việt Nam. Các chương trình đào tạo liên kết cho phép các trường đại học một mặt tiếp thu công nghệ đào tạo hiện đại, đồng thời có điều kiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, nâng cao trình độ và kỹ năng của đội ngũ giáo viên, và đặc biệt là nâng cao chất lượng đào tạo và danh tiếng của trường.

Việc tăng cường các hoạt động xúc tiến xuất khẩu giáo dục dưới các hình thức tài trợ, đặt văn phòng đại diện, tổ chức các hội thảo quốc tế và các hoạt động thăm viếng, ký kết các thỏa thuận hợp tác... giữa các tổ chức quốc tế và các cơ sở đào tạo đại học nước ngoài với các cơ sở đào tạo trong nước về việc trao đổi sinh viên, giáo viên cũng là những nhân tố tích cực làm tăng tốc quá trình quốc tế hóa của giáo dục đại học nước ta.

v. Chiến lược phát triển của các trường đại học trong nước

Để thích ứng và phát triển trong môi trường giáo dục đại học thay đổi nhanh chóng, các trường đại học trong nước đang có những nỗ lực lớn, theo đuổi những chiến lược phát triển nhiều tham vọng và thách thức nhằm xây dựng và củng cố uy tín và danh tiếng của mình.

Đa số các trường đại học lớn trong nước đều tập trung vào (a) đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại hóa và phù hợp với nhu cầu của xã hội, tăng cường gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học; (b) xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy có chất lượng cao; (c) hiện đại hóa các cơ sở đào tạo và nghiên cứu, các phương tiện dạy học, học cụ, học liệu; (d) tăng cường các hoạt động hợp tác, liên kết, liên doanh trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.1.3. Đánh giá tác động

2.1.3.1. Đánh giá tác động chung

Bối cảnh trong nước và quốc tế, sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, tiến trình toàn cầu hoá với sự hợp tác và cạnh tranh trong giáo dục đại học, nhu cầu đào tạo và thị trường lao động là những yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp lên môi trường dạy - học của Đại học Huế trên các phương diện sau:

- Tính cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, về đội ngũ giảng viên, nhân sự và bộ máy quản lý, về các nguồn lực và các quan hệ đối tác cả trong nước và quốc tế. Tính cạnh tranh thể hiện trên các mặt: chương trình đào tạo, chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy; các điều kiện đảm bảo chất lượng và tính hiệu quả của hoạt động đào tạo và các dịch vụ đào tạo;

- Nhu cầu tiếp tục đổi mới trong lĩnh vực tài chính giáo dục, trong công tác quản lý nhà nước và phân cấp quản lý giáo dục đại học, đổi mới chương trình và hoạt động đào tạo, đổi mới cách đánh giá, thi cử;

- Các cơ sở giáo dục đại học tăng mạnh trong nước và bắt đầu phân hoá về chất lượng, nhưng tất cả đều theo hướng hiện đại hoá với xu thế hội nhập quốc tế và vươn tới tầm vóc quốc tế;

- Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo đại học nước ngoài tại Việt Nam. Xu hướng du học tại chỗ đang tạo nhiều áp lực cạnh tranh không chỉ về sức hút đối với sinh viên mà còn cả đối với nguồn giảng viên có trình độ cao;

- Nhiều hình thức hợp tác, liên kết trong đào tạo giữa các trường đại học trong nước và các trường đại học có uy tín trên thế giới đang phát triển nhanh chóng;

- Các nguồn lực phát triển như tài chính, khoa học-công nghệ, nhân lực, thông tin và các thể chế quản lý trước mắt còn hạn hẹp nhưng có tiềm năng huy động và bổ sung từ xã hội, từ các quan hệ hợp tác với các trường khác, các doanh nghiệp và các tổ chức trong và ngoài nước.

2.1.3.2. Năng lực cạnh tranh của Đại học Huế

Cả nước hiện có trên 250 trường đại học, học viện, riêng ở khu vực Miền Trung hiện có hơn 30 trường đại học. Các trường đại học chủ yếu đào tạo các ngành nghề mà xã hội đang rất cần và đều hướng tới áp dụng các chương trình đào tạo tiên tiến và phương pháp đào tạo hiện đại. Đội ngũ cán bộ trẻ và năng động. Trước tình hình trên, Đại học Huế phải đối mặt với các lĩnh vực cạnh tranh sau:

+ Cạnh tranh về nguồn tuyển sinh do sự trùng hợp các chuyên ngành đào tạo với các trường đại học khác ảnh hưởng đến quy mô tuyển sinh;

+ Cạnh tranh về các chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, cơ sở vật chất để đạt chất lượng cao;

+ Cạnh tranh về sức hấp dẫn đối với đội ngũ giảng viên (điều kiện sống và làm việc, thu nhập, cơ hội bồi dưỡng nâng cao trình độ);

+ Cạnh tranh về chất lượng và hiệu quả của các sản phẩm khoa học – công nghệ;

+ Cạnh tranh trong hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trong sự cạnh tranh này, Đại học Huế có những lợi thế so sánh, đó là:

+ Huế là một trung tâm văn hoá, khoa học, du lịch có bề dày truyền thống; là một trong ba trung tâm giáo dục lớn cùng với Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh;

+ Đại học Huế là một đại học đa lĩnh vực, đa ngành với lịch sử trên 55 năm xây dựng và phát triển giáo dục đại học;

+ Đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu có trình độ cao, đa dạng về ngành nghề;

+ Các trường thuộc Đại học Huế là các cơ sở duy nhất của miền Trung-Tây Nguyên có bề dày kinh nghiệm đào tạo các lĩnh vực đặc thù như khoa học cơ bản, y dược, sư phạm, nông lâm, nghệ thuật.

2.1.3.3. Đánh giá tác động đối với Đại học Huế

- Tác động tích cực

+ Tạo động lực để Đại học Huế đổi mới cơ chế quản lí, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất, tăng nguồn thu tài chính;

+ Tạo cơ hội để tiếp cận, trao đổi, phát triển chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, tổ chức quản lí đào tạo, phát triển nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Phát triển các dịch vụ đào tạo;

+ Tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường hợp tác trong và ngoài nước, liên kết và liên thông trong đào tạo.

- Tác động tiêu cực

+ Cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo đại học, phá vỡ tính độc quyền, chia sẻ thị phần;

+ Mâu thuẫn giữa nhu cầu mở rộng quy mô và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục với khả năng đầu tư cho nguồn lực con người và cơ sở vật chất, thiết bị.

2.1.4. Dự báo phát triển của các lĩnh vực kinh tế - xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực

- *Xu thế phát triển của các lĩnh vực kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ liên quan đến hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học Huế:*

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế gia tăng, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, xu thế phát triển đất nước là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, phát triển kinh tế hàng hoá, tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị bản địa và truyền thống trong phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội, nâng cao chất lượng sức khoẻ và đời sống văn hoá, vật chất của cộng đồng. Xu thế trên đặt ra những yêu cầu cao về chất lượng nguồn nhân lực cũng như hiệu quả của các hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ công cuộc phát triển vùng tại Việt Nam và khu vực của Đại học Huế trong giai đoạn mới trong tất cả các lĩnh vực. Các chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học Huế cần có sự phát triển linh hoạt nhằm tương thích với xu thế phát triển mới của đất nước và khu vực.

- *Các thông tin dự báo, định hướng phát triển của Nhà nước liên quan đến các lĩnh vực chuyên môn của Đại học Huế:*

Việc phát triển tổng thể nhằm đưa nền kinh tế chuyển mạnh sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, phát triển kinh tế hàng hoá; tăng cường hội nhập quốc tế đồng thời tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc của Đảng và Nhà nước sẽ được xác định trên cơ sở quan tâm thoả đáng đến phát triển vùng và kết hợp liên vùng để phát huy tối đa, hợp lý tiềm năng, nguồn lực từng địa phương, vùng miền; đồng thời lan toả sự ảnh hưởng phát triển theo hướng công nghiệp hoá ở các địa phương, khu vực lân cận. Là một đại học đa ngành đa lĩnh vực, phạm vi đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học Huế cần tiếp tục được mở rộng và đa dạng hoá các hoạt động nhằm đáp ứng được các định hướng phát triển trên của đất nước.

- *Nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực đối với các lĩnh vực chuyên môn của Đại học Huế:*

Công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhu cầu hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hoá phục vụ nhu cầu xuất khẩu, sự cấp thiết của công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ, tầm quan trọng của công tác bảo tồn các giá trị văn hoá bản địa và truyền thống cũng như việc xây dựng một nền văn hoá hiện đại đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ hội nhập và giao thoa văn hoá tạo ra những nhu cầu lớn về nguồn nhân lực chất lượng cao từ các cơ sở đào tạo của Đại học Huế.

- Đánh giá vai trò của Đại học Huế đối với sự phát triển kinh tế xã hội nói chung và trong việc cung cấp nguồn nhân lực (số lượng, chất lượng) nói riêng:

Là một đại học đa ngành, vừa là cơ sở đào tạo chuyên sâu duy nhất ở miền Trung - Tây Nguyên, với việc mở rộng quy mô lên khoảng 35.000 sinh viên chính quy, Đại học Huế có vai trò quan trọng, then chốt trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả nước, trước hết là cho các vùng kinh tế khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Vị trí và vai trò của Đại học Huế đối với hệ thống giáo dục đại học Việt Nam:

Là một trong 5 đại học hai cấp của cả nước, Đại học Huế bao gồm một hệ thống các trường đại học có truyền thống, uy tín và tiềm năng, có một vị trí và vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, trước hết là có vị trí cốt lõi đối với khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

2.2. Thực trạng của Đại học Huế

2.2.1. Bộ máy tổ chức

Thực hiện Nghị định 30/CP của Chính phủ, Đại học Huế đã xây dựng được một cơ cấu tổ chức quản lý tương đối hoàn chỉnh và thống nhất từ cấp Đại học Huế đến các trường thành viên, đơn vị trực thuộc và các khoa/bộ môn trong nội bộ các trường, đơn vị trực thuộc. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong nhà trường được phân định rõ ràng.

Đại học Huế luôn chủ động đáp ứng sự thay đổi đang diễn ra trong môi trường hoạt động của mình bằng cách xem xét, sửa đổi các quy trình phân bổ nguồn lực, các cấu trúc tổ chức quản lý và các chương trình giảng dạy của mình.

Hiện tại Đại học Huế có 07 trường thành viên, 03 khoa, 01 viện và 06 trung tâm trực thuộc, 01 phân hiệu và 01 nhà xuất bản. Bộ máy tổ chức của các trường thành viên gồm ban giám hiệu, các phòng/bộ phận chức năng và các khoa/bộ môn trực thuộc. Cụ thể như sau:

- Trường Đại học Khoa học gồm các khoa: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý - Địa chất, Công nghệ thông tin, Ngữ văn, Lịch sử, Lý luận chính trị, Môi trường, Kiến trúc, Xã hội học và Báo chí - Truyền thông.

- Trường Đại học Sư phạm gồm các Khoa: Sư phạm Toán, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh, Sư phạm Văn, Sư phạm Sử, Sư phạm Địa, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Tin học, Tâm lý Giáo dục, Giáo dục Chính trị, Sư phạm KT Nông lâm, Tại chức và Bộ môn Giáo dục Mầm non.

- Trường Đại học Y Dược gồm các khoa và bộ môn trực thuộc. Các khoa bao gồm: Cơ bản, Dược, Răng Hàm Mặt, Y tế công cộng, Điều dưỡng; các bộ môn: Mô phôi, Sinh lý học, Miễn dịch - Sinh lý bệnh, Vi sinh, Sinh hóa, Huyết học, Phục hồi chức năng, Phẫu thuật TH, Gây mê hồi sức, Ung bướu, Da liễu, Truyền nhiễm, Y học hạt nhân, Chẩn đoán hình ảnh, Tai mũi họng, Sản, Nhi, Răng hàm mặt, Đông y, Ký sinh trùng, Giải phẫu học, Vệ sinh dịch tễ, Nội, Ngoại, Tâm thần, Lao, Mắt.

- Trường Đại học Nông Lâm gồm các khoa: Nông học, Lâm nghiệp, Chăn nuôi Thú y, Cơ khí công nghệ, Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp, Thủy sản, Khuyến nông và Phát triển nông thôn, Cơ bản.

- Trường Đại học Nghệ thuật gồm các khoa: Hội họa, Điêu khắc, Sư phạm Mỹ thuật, Mỹ thuật ứng dụng; các bộ môn: Đồ họa, Cơ sở ngành.

- Trường Đại học Kinh tế gồm các khoa: Kinh tế Phát triển, Quản trị Kinh doanh, Kế toán - Tài chính, Thông tin kinh tế, Kinh tế Chính trị,

- Trường Đại học Ngoại ngữ gồm các khoa: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga, Tiếng Anh chuyên ngành, Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc, Quốc tế học, Việt Nam học.

- Bộ máy tổ chức cấp Đại học Huế bao gồm: Văn phòng, Ban Tổ chức - Nhân sự, Ban Đào tạo đại học, Ban Đào tạo Sau đại học, Ban Khoa học Công nghệ, Ban Khảo thí - Đảm bảo chất lượng giáo dục, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Kế

hoạch - Tài chính, Ban Thanh tra - Pháp chế - Thi đua Khen thưởng, Ban Quản trị cơ sở Vật chất, Ban Công tác sinh viên, Ban Quản lý dự án xây dựng và Ban Điều phối Dự án giáo dục đại học

Bộ máy quản lý của Đại học Huế được tổ chức thành 3 cấp: (1) Đại học Huế là đầu mối quản lý chung, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; (2) Các trường đại học thành viên, các khoa, viện/trung tâm nghiên cứu và các đơn vị trực thuộc Đại học Huế là các đơn vị cơ sở có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; (3) Các khoa, trung tâm nghiên cứu, đào tạo và dịch vụ trực thuộc các trường thành viên. Giám đốc Đại học Huế, các phó giám đốc Đại học Huế và hiệu trưởng các trường thành viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm.

Ban Giám đốc Đại học Huế chịu trách nhiệm quản lý điều hành các hoạt động thống nhất trong toàn Đại học Huế. Hội đồng Khoa học Đào tạo với nhiệm vụ tư vấn về chiến lược phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học Huế; Văn phòng và các ban trực thuộc Đại học Huế có chức năng tham mưu và giúp việc cho Giám đốc về các lĩnh vực hoạt động và quản lý liên quan.

Ban Giám hiệu các trường thành viên chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động của nhà trường trên cơ sở Điều lệ trường đại học và sự phân cấp của Đại học Huế bao gồm đề ra chính sách và kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; quản lý nhân sự, các hoạt động đào tạo, sinh viên, quản lý nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, quản lý tài chính và cơ sở vật chất.

Thủ trưởng các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm về việc sử dụng đội ngũ cán bộ, quản lý ngân sách được phân cấp và việc sử dụng nhà xưởng, trang thiết bị tại đơn vị mình.

2.2.2. Đào tạo

Đại học Huế là một cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với nhiều loại hình đào tạo khác nhau nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển vùng tại Việt Nam và khu vực.

- Về cấp học: bao gồm đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I và II), đào tạo đại học, đào tạo cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và trung học phổ thông năng khiếu.

- Về loại hình đào tạo: bao gồm các hệ đào tạo: chính quy, đào tạo văn bằng 2, vừa làm vừa học, chuyên tu, đào tạo từ xa, đào tạo cấp chứng chỉ quốc gia về ngoại ngữ và tin học. Ngoài ra, còn có đào tạo bác sĩ nội trú của ngành Y.

- Về số lượng chương trình đào tạo: tính đến quý I/2012, Đại học Huế có 99 ngành đào tạo cử nhân, 67 chuyên ngành thạc sĩ và 27 chuyên ngành Tiến sĩ; 25 chuyên ngành chuyên khoa cấp I, 27 chuyên ngành chuyên khoa cấp II và 7 chuyên ngành bác sĩ nội trú).

Ngoài ra, Đại học Huế còn triển khai các mô hình đào tạo liên kết theo chương trình đào tạo và tiêu chuẩn chất lượng của các trường đại học nước ngoài, tiêu biểu như: chương trình tiên tiến ngành Vật lý với ĐH Công nghệ Virginia (Mỹ), chương trình tiên tiến ngành Kinh tế Nông nghiệp - Tài chính với ĐH Sydney (Úc), chương trình liên kết đào tạo đồng cấp bằng ngành Tài chính - Ngân hàng với Đại học Rennes 1 (Pháp) v.v.

- Về số lượng sinh viên: tính đến quý I/2012, tổng số sinh viên (không kể hệ từ xa) là 57.464 sinh viên, trong đó có trên 31.834 sinh viên hệ chính quy, còn lại là sinh viên các hệ khác (xem Phụ lục 7). Số lượng tuyển mới tăng đều.

- Qui mô đào tạo sau đại học trong vòng 5 năm gần đây tăng bình quân mỗi năm xấp xỉ 10%; số lượng học viên tuyển được đều đảm bảo so với kế hoạch được giao.

- Việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ đã được triển khai ở hầu hết các cơ sở đào tạo của Đại học Huế. Đào tạo theo học chế niên chế vẫn còn duy trì ở một số đơn vị có các ngành nghề đào tạo đặc thù.

2.2.3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Trong những năm qua, nghiên cứu khoa học đang được tiến hành trong tất cả các lĩnh vực có ngành học của Đại học Huế. Hoạt động thông tin, phổ biến khoa học đã được đẩy mạnh để phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo và góp phần giúp địa phương áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào trong sản xuất và quản lý nhà nước. Đại học Huế chủ trương khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ các lĩnh vực trọng tâm, cơ bản hoặc đối với các lĩnh vực có khả năng phát triển mạnh.

Trên tinh thần tập trung quản lý vĩ mô ở cấp Đại học Huế, công tác nghiên cứu khoa học được thực hiện dựa trên sự chủ động, năng động của các trường thành viên. Công tác quản lý khoa học từng bước đi vào nề nếp. Quy trình xét duyệt, ký hợp

duyệt, ký hợp đồng giao nhiệm vụ, đơn đốc thực hiện và chế độ báo cáo định kỳ, nghiệm thu, đánh giá kết quả được thực hiện một cách nghiêm túc theo đúng quy trình đề ra.

Trong 5 năm qua (2007-2011), Đại học Huế đã thực hiện 136 đề tài độc lập cấp nhà nước và chương trình nghiên cứu cơ bản thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và các đề tài hợp tác với nước ngoài theo Nghị định thư, 20 đề tài cấp Bộ trọng điểm, 371 đề tài cấp Bộ, hàng trăm đề tài cấp cơ sở, đề tài hợp đồng và đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên; tổng kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học lên đến gần 140 tỷ đồng.

Nghiên cứu khoa học đã mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ cán bộ giảng dạy; thực hiện gắn công tác nghiên cứu khoa học với giảng dạy đại học và sau đại học, kết hợp tổ chức tốt công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên. Hoạt động nghiên cứu chuyển giao công nghệ, triển khai các đề tài nghiên cứu ứng dụng vào sản xuất được chú trọng. Việc xây dựng các đề tài nghiên cứu và các dự án khoa học phần lớn bám sát các chương trình trọng điểm của nhà nước về khoa học công nghệ, các chương trình phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên, do đó kết quả các đề tài đã phục vụ cho sản xuất và đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

2.2.4. *Đội ngũ cán bộ*

Tính đến hết quý I/2012 Đại học Huế có 3.234 biên chế và hợp đồng lao động bao gồm 2.668 cán bộ biên chế, 566 cán bộ hợp đồng dài hạn và ngắn hạn.

Đội ngũ cán bộ khoa học của Đại học Huế bao gồm: đội ngũ giảng viên cơ hữu và bán cơ hữu với 2714 người (gồm 1956 giảng viên cơ hữu, 758 giảng viên bán cơ hữu), hàng trăm giảng viên thỉnh giảng trong và ngoài nước; đội ngũ nghiên cứu viên và cán bộ khoa học làm công tác chuyên môn ở các các viện và trung tâm nghiên cứu.

Về trình độ, đến quý I/2012, chỉ tính riêng giảng viên cơ hữu và bán cơ hữu, Đại học Huế có 11 giáo sư, 223 phó giáo sư, 365 tiến sĩ, 1.282 thạc sĩ. Tổng số giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên là 558 người, đạt tỷ lệ trên 20% tổng số giảng viên cơ hữu và bán cơ hữu; tổng số giảng viên cơ hữu và bán cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên là 1.841, đạt tỷ lệ xấp xỉ 68%. Ngoài ra, còn có hàng trăm

giảng viên thỉnh giảng là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học và tiến sĩ (trong đó luôn có khoảng 10 giảng viên là người nước ngoài).

Tỷ lệ sinh viên quy chuẩn/giảng viên quy chuẩn trong toàn Đại học Huế phù hợp tiêu chuẩn kiểm định (15SV/giảng viên quy chuẩn), ở mức trung bình so với hệ thống giáo dục đại học cả nước;

Cán bộ, giảng viên của Đại học Huế đa dạng về chuyên môn. Phần lớn các cán bộ có từ 15 - 25 năm trong nghề và có trình độ chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý thực hiện tốt.

2.2.5. Cơ sở vật chất – kĩ thuật phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Trong 5 năm qua, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Đại học Huế được đầu tư đáng kể, bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau: vốn ngân sách, vốn vay, vốn viện trợ, vốn tự cân đối..., đặc biệt là nguồn vốn chương trình mục tiêu với tổng số tiền trên 150 tỷ đồng.

Khu làm việc của cơ quan Đại học Huế, nhà học, nhà làm việc và các các cơ sở khác của các đơn vị thành viên với tổng diện tích đất đã đưa vào sử dụng là 1.267.624 m², và tổng diện tích sàn xây dựng là 125.956 m²; trong đó tổng diện tích phòng học đạt 47.767 m² và diện tích khu thực hành thí nghiệm là 12.875 m². Đại học Huế đã giải quyết về cơ bản sự thiếu hụt phòng học và các cơ sở thực hành thí nghiệm.

Hệ thống mạng thông tin do Quỹ Nâng cao chất lượng dự án Giáo dục đại học (mức C) mới được xây dựng đã kết nối liên thông tất cả các đơn vị thành viên của Đại học Huế với một trung tâm Công nghệ thông tin hiện đại. Đội ngũ cán bộ quản trị hệ thống mạng được đào tạo cơ bản và chuyên nghiệp tạo điều kiện thuận lợi triển khai các ứng dụng trong quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Việc đầu tư xây dựng các cơ sở phục vụ giảng dạy và học tập của sinh viên được quan tâm, nhưng vẫn còn rất xa so với tiêu chuẩn quy định, chưa đáp ứng được nhu cầu triển khai chương trình đổi mới nội dung và nâng cao chất lượng đào tạo các ngành học thuộc Đại học Huế. Một số đơn vị, đặc biệt là các đơn vị mới được thành lập như Khoa Giáo dục thể chất, Khoa Luật, các trung tâm và văn phòng Đại học Huế chưa có đủ chỗ làm việc (có phòng bình quân 2-3 m²/ cán bộ).

Chỗ ở và điều kiện sinh hoạt của sinh viên nội trú trong ký túc xá cũng chưa đáp được nhu cầu thực tế của sinh viên.

Thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm mặc dù đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn thiếu, nhiều thiết bị thí nghiệm quá lạc hậu và không đồng bộ. Phòng thí nghiệm một số khoa học cơ bản còn phân tán, chưa tập trung thành các phòng thí nghiệm lớn, rất hạn chế khả năng khai thác và phương án đầu tư nâng cấp.

Đại học Huế chưa xây dựng được phương án sử dụng chung cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học giữa các đơn vị trực thuộc dẫn đến hiệu quả sử dụng nhiều phòng thí nghiệm chưa cao, đặc biệt là đối với một số phòng thí nghiệm được trang bị mới và hiện đại.

2.2.6. Hợp tác quốc tế và quan hệ với môi trường kinh tế - xã hội

Hợp tác quốc tế: Đại học Huế đã tạo được thế chủ động trong hợp tác quốc tế. Trong 5 năm (2006-2010) Đại học Huế và các trường thành viên đã ký thoả thuận hợp tác và biên bản ghi nhớ về đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi cán bộ với 81 tổ chức và trường đại học ở Mỹ, Canada, Đức, Úc, Thái Lan, Nhật Bản, Ý, Pháp....; đã thực hiện được 54 dự án tài trợ với tổng kinh phí xấp xỉ 20 triệu USD. Thông qua hợp tác quốc tế đã nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho Đại học Huế như Trung tâm Học liệu với vốn tài trợ 7 triệu USD.

Đại học Huế luôn duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu và với các địa phương trong cả nước trong nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Nhằm gắn đào tạo và nghiên cứu khoa học với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội, Đại học Huế đã luôn chủ động khai thác và phát triển các mối quan hệ với các nhà tài trợ, hệ thống các doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng sinh viên tốt nghiệp, đặc biệt là các đối tác ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác HTQT và việc gắn kết với môi trường kinh tế xã hội còn bộc lộ nhiều hạn chế. Hoạt động hợp tác quốc tế của các đơn vị thành viên phần lớn được thực hiện độc lập, chưa có sự gắn kết với Đại học Huế; chưa xây dựng được những chương trình hợp tác quốc tế lớn thu hút sự

tham gia của các đơn vị thành viên; chưa thật sự chủ động trong việc xây dựng các chương trình hợp tác đào tạo với các đối tác nước ngoài.

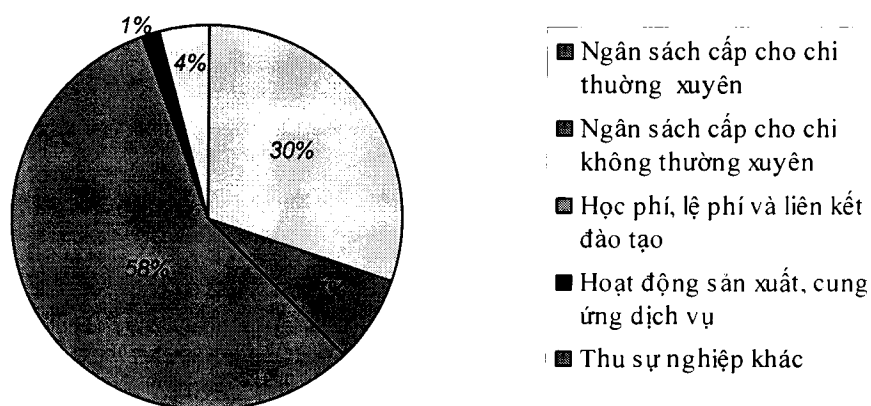
2.2.7. Tài chính

Nguồn tài chính hàng năm của Đại học Huế có được từ các nguồn sau:

- Ngân sách cấp cho chi thường xuyên
- Ngân sách cấp cho chi không thường xuyên
- Học phí, lệ phí và liên kết đào tạo
- Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ
- Thu sự nghiệp khác.

Tỷ trọng các nguồn thu trên trong tổng thu của Đại học Huế được thể hiện qua biểu đồ sau:

Tỷ lệ nguồn thu bình quân hàng năm (2008 -2011)



Nguồn thu của Đại học Huế hàng năm có tăng (xem Phụ lục 9), nhưng mức tăng chưa đáp ứng với sự tăng về qui mô sinh viên, nghiên cứu khoa học và cơ sở vật chất,... Vì vậy, Đại học Huế chủ động khai thác tối đa các nguồn thu thực tế khác từ vị thế và sự phát triển của mình, như các hoạt động hợp tác quốc tế tăng dần, nhiều dự án nghiên cứu khoa học do nguồn vốn nước ngoài tài trợ đã tạo điều kiện cho giáo viên một số trường thành viên có thêm nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực tế sản xuất đã mang lợi ích cả về kinh tế, xã hội và môi trường; triển khai, mở rộng ngành nghề đào tạo một cách phong phú và đa dạng hóa hình thức đào tạo. Nguồn thu này đã làm thay đổi cơ cấu theo hướng tỷ

lệ kinh phí được cấp từ ngân sách giảm dần và tỷ lệ thu từ xã hội hóa đào tạo tăng trong cơ cấu thu hàng năm.

Hoạt động tài chính của Đại học Huế đã được tổ chức, phân cấp quản lý phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn được giao. Công tác quản lý tài chính đã đáp ứng yêu cầu hoạt động của đơn vị, tạo tính chủ động cao cho cơ sở, lưu thông hoạt động tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

2.3. Đánh giá điểm mạnh – điểm yếu và cơ hội – thách thức

2.3.1. Điểm mạnh

- Một cơ sở giáo dục có bề dày truyền thống và kinh nghiệm đào tạo;
- Sự đa dạng cơ cấu ngành nghề đào tạo, đặc biệt là các lĩnh vực y dược, khoa học cơ bản và khoa học xã hội - nhân văn, đào tạo giáo viên, nông – lâm - ngư, nghệ thuật;
- Đội ngũ giảng viên có học hàm học vị đạt tỷ lệ cao (GS, PGS, tiến sĩ trở lên đạt 20%, thạc sĩ trở lên đạt trên 68%); sức ép về tải giảng không cao cho phép Đại học Huế triển khai thuận lợi các chương trình nâng cao chất lượng đào tạo;
- Nằm trên địa bàn Thừa Thiên Huế có truyền thống văn hóa và hiếu học; địa bàn phục vụ chính là miền Trung, Tây Nguyên, vùng đất phong phú, đa dạng về sinh học, giàu tiềm năng chưa khai thác ... hoàn toàn phù hợp cho sự phát triển của một cơ sở đào tạo đa cấp, đa hệ, đa ngành;
- Đại học Huế có một môi trường đủ rộng để áp dụng các phương pháp quản lý và tổ chức đào tạo mới, tập trung được nguồn lực, cơ sở vật chất, tạo điều kiện thực hiện tốt các dự án khoa học công nghệ, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp ngành, cấp Bộ và cơ hội tốt cho hợp tác quốc tế và trong nước.

1.3.2. Điểm yếu

- Các chương trình đào tạo còn thiếu linh hoạt, chậm đổi mới và chưa cập nhật thường xuyên theo hướng bám sát nhu cầu của thực tiễn; một bộ phận không nhỏ cán bộ giảng dạy chậm đổi mới và tiếp cận cái mới;
- Việc tập hợp và phát huy năng lực đội ngũ còn hạn chế; đội ngũ mạnh nhưng chưa được tập hợp và khai thác triệt để, chưa phát huy hết tiềm năng; tính chủ động và linh hoạt của một bộ phận cán bộ chủ chốt ở các cấp chưa cao; vai trò

tham mưu cho lãnh đạo trong quản lý và điều hành còn hạn chế; công tác triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển chưa được quan tâm đúng mức;

- Chưa xây dựng được những đề tài khoa học công nghệ lớn thu hút sự tham gia của nhiều nhà khoa học; chưa hình thành được các nhóm nghiên cứu mũi nhọn đủ mạnh để tham gia đấu thầu các chương trình nghiên cứu lớn của nhà nước và quốc tế; hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn hạn chế; hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn thấp;

- Công tác hợp tác quốc tế chưa được đầu tư đúng mức so với yêu cầu, nên kết quả thu được chưa tương xứng với vị thế của Đại học Huế. Nhiều văn bản hợp tác quốc tế đã được ký kết nhưng triển khai chưa hiệu quả, chưa xây dựng được các chương trình hợp tác có quy mô lớn, có tính chiến lược để Đại học Huế có thể nhanh chóng hội nhập và phát triển;

- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng được so với quy mô đào tạo và nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Nguồn tài chính còn hạn hẹp, chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước; sự đóng góp của người học còn thấp; thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật không đáng kể, mới chỉ hạn chế ở mức độ các hoạt động dưới hình thức các dự án, mức hỗ trợ từ nguồn này cho đào tạo rất hạn chế.

2.3.3. Cơ hội

- Đảng và Nhà nước đã có chủ trương đổi mới cơ bản và toàn diện Giáo dục Đại học Việt Nam; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học;

- Nhu cầu xã hội về nguồn lực có chất lượng cao làm tăng nhu cầu đào tạo đại học;

- Xu thế tăng cường hội nhập và hợp tác quốc tế tạo thời cơ cho Đại học Huế thực hiện các chương trình liên kết quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, tạo động lực thu hút cán bộ có trình độ tham gia;

- Những đổi mới về chính sách của Nhà nước và cơ chế tăng tính tự trị đại học tạo cơ hội tăng các nguồn thu hợp pháp và tăng cường các nguồn đầu tư;

- Việc hình thành hệ thống kiểm soát và kiểm định chất lượng từ bên trong và bên ngoài tạo cơ hội cho các đại học được minh bạch trong phát triển.

2.3.4. Thách thức

- Yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo, chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học trong khi các nguồn lực cho công tác dạy - học và nghiên cứu khoa học (bao gồm năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất, nguồn ngân sách) còn hạn chế;

- Hội nhập quốc tế trong giáo dục, sự trùng hợp về ngành nghề đào tạo với các đại học khác trong cả nước tạo ra cạnh tranh gay gắt về nguồn tuyển sinh, về nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên thấp, quá trình công nghiệp hoá diễn ra chậm hơn so với các khu vực khác đã làm hạn chế cơ hội tiếp cận và cọ xát thực tế của cán bộ và sinh viên Đại học Huế; đồng thời thị trường tuyển dụng nhỏ, chưa đa dạng, hạn chế khả năng tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp;

- Sự kém hấp dẫn về môi trường phát triển cũng như chế độ ưu đãi đối với đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản ở các cơ sở đào tạo nước ngoài;

- Sự đầu tư từ ngân sách nhà nước chưa tương xứng với sự phát triển quy mô và yêu cầu chất lượng của một đại học hai cấp.

PHẦN 3. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

3.1. Vai trò, vị trí và các căn cứ xây dựng Kế hoạch chiến lược (KHCL)

3.1.1. Vai trò, vị trí

Kế hoạch chiến lược phát triển của Đại học Huế được soạn thảo bởi Hội đồng Xây dựng Kế hoạch Chiến lược của Đại học Huế thành lập theo quyết định của Giám đốc Đại học Huế gồm các thành viên là Ban Giám đốc Đại học Huế, Trưởng các Ban chức năng của Đại học Huế, Lãnh đạo các Trường thành viên, các Khoa trực thuộc, các Viện và các Trung tâm, đại diện các tổ chức chính trị và các đối tượng liên quan của Đại học Huế.

Kế hoạch chiến lược phát triển có vai trò định hướng cho việc hoạch định các chính sách phát triển cũng như mọi kế hoạch hoạt động của Đại học Huế.

Kế hoạch chiến lược phát triển là công cụ quản lý hữu hiệu của Đại học Huế. Từng bước chuyển từ phương thức quản lý theo chức năng nhiệm vụ sang phương thức quản lý chiến lược, phát huy tính chủ động sáng tạo của cán bộ giáo viên và công chức toàn Đại học Huế.

Kế hoạch chiến lược phát triển có vai trò quan trọng như một văn bản có tính pháp quy của Đại học Huế. Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển, các ban chức năng của Đại học Huế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hành động cụ thể nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra.

3.1.2. Căn cứ xây dựng kế hoạch chiến lược

3.1.2.1. Các cơ sở pháp lý và thực tiễn

- Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X, XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đại học Huế lần thứ IV (2010);

- Luật Giáo dục năm 2005 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009;

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP, ngày 2/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 và quy hoạch phát triển tổng thể Đại học Huế đến năm 2015 (QĐ số 460/QĐ-BGD&ĐT, ngày 25/1/2006 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Quy chế tự chủ của các trường đại học;

- Ngoài ra, còn dựa vào kết quả của các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm định chất lượng, các báo cáo điều tra của các đơn vị trong Đại học Huế.

3.1.2. Quá trình xây dựng Kế hoạch chiến lược

- Ngày 15/1/2011: Giám đốc Đại học Huế ký Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng Kế hoạch chiến lược 2010-2015 và Ban biên soạn KHCL;

- Ngày 15/3/2011: Hội đồng xây dựng KHCL của Đại học Huế họp phiên thứ 1 góp ý cho Bản dự thảo KHCL;

- Ngày 03/6/2011: Hội đồng xây dựng KHCL của Đại học Huế họp phiên thứ 2 góp ý cho Bản dự thảo KHCL lần 1;

- Ngày 06/3/2012: Đại học Huế tổ chức Hội nghị lấy ý kiến đóng góp cho KHCL của Đại học Huế;

- Ngày 30/9/2012: Giám đốc Đại học Huế ký ban hành Bản KHCL Đại học Huế giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn 2020.

3.1.2.3. Sự tham gia của các cá nhân, tập thể trong việc xây dựng Kế hoạch chiến lược

Việc soạn thảo bản Kế hoạch chiến lược phát triển do Ban Soạn thảo Kế hoạch chiến lược phát triển của Đại học Huế thực hiện, được Hội đồng Xây dựng KHCL Đại học Huế bao gồm Ban giám đốc Đại học Huế, lãnh đạo các đơn vị/trường thành viên, các chuyên gia chuyên môn, đại diện giáo viên và đại diện chính quyền địa phương thông qua.

Bản KHCL của Đại học Huế cũng nhận được sự đóng góp ý kiến và tư vấn kỹ thuật của các chuyên gia nước ngoài.

3.2. Sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị giáo dục

3.2.1. Tuyên bố Sứ mạng

Sứ mạng của Đại học Huế là thúc đẩy sự nghiệp phát triển vùng tại miền Trung - Tây Nguyên và cả nước bằng việc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và các sản phẩm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thiết thực và hiệu quả.

3.2.2. Tầm nhìn đến năm 2020

Đến năm 2020 Đại học Huế sẽ là:

- Một đại học được xếp hạng trong số 50 trường đại học hàng đầu Đông Nam Á;
- Một đại học hoạt động theo các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng quốc gia và khu vực;
- Là một bộ phận cốt lõi trong hạ tầng cơ sở xã hội của miền Trung Việt Nam; là cơ sở đào tạo tiên phong, nòng cốt cho hệ thống giáo dục vùng.

3.2.3. Hệ thống giá trị cơ bản

Với tinh thần đề cao tính *kỷ cương, sáng tạo, trách nhiệm và thân thiện*, Đại học Huế cam kết:

- Tuân thủ nghiêm túc những chuẩn mực giáo dục đại học; xây dựng, duy trì và phát triển môi trường dạy, học và nghiên cứu khoa học mẫu mực;
- Khuyến khích và tôn trọng những tư tưởng tiên bộ, những ý tưởng sáng tạo của đội ngũ cán bộ và sinh viên Đại học Huế;
- Đề cao tinh thần trách nhiệm của nhà trường đối với các đối tượng được phục vụ nói riêng và xã hội nói chung;
- Phát huy tính dân chủ, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau, đề cao tính trung thực và lòng nhân ái trong toàn Đại học Huế.

3.3. Mục tiêu chiến lược

3.3.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu phát triển tổng quát của Đại học Huế đến 2015 và định hướng đến 2020 là: *Xây dựng Đại học Huế thành trung tâm đào tạo đại học và sau đại học đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mạnh về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn, giáo dục, quản lý, nông nghiệp, y dược, kỹ thuật và công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng và khu vực.*

3.3.2. Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu tổng quát trên, Đại học Huế xác định các mục tiêu phần đầu cụ thể như sau:

Mục tiêu 1: Chuẩn hoá quy trình và nâng cao hiệu lực quản lý của Đại học Huế;

Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tăng tính linh hoạt và phù hợp của chương trình với nhu cầu phát triển vùng và khu vực;

Mục tiêu 3: Nâng cao hiệu quả và tính gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và nhu cầu thực tiễn;

Mục tiêu 4: Phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức theo hướng chuẩn hoá phù hợp với vai trò và vị trí của một đại học trọng điểm quốc gia;

Mục tiêu 5: Trở thành đầu mối giao lưu, hợp tác với các tổ chức, đại học có uy tín trong khu vực và thế giới thông qua việc đẩy mạnh các chương trình hợp tác quốc tế;

Mục tiêu 6: Hiện đại hoá cơ sở vật chất và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm bằng việc đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính.

3.4. Các giải pháp chiến lược

3.4.1. Chuẩn hoá quy trình và nâng cao hiệu lực quản lý

a. Các chỉ tiêu chính:

- Hoàn thiện hệ thống các đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng bao gồm các trường, khoa, viện nghiên cứu, trung tâm và các cơ sở khác một cách thống nhất, đồng bộ, hiện đại ngang tầm một đại học quốc gia.

Đến năm 2015, Đại học Huế có cơ cấu gồm: 8 trường (gồm 7 trường hiện tại và thành lập Trường Đại học Luật), 3 khoa, 01 phân hiệu, 02 viện nghiên cứu (thành lập thêm Viện Phát triển nông nghiệp miền Trung), 05 trung tâm trực thuộc và các cơ sở khác;

- Chuẩn hoá hệ thống quản lý trong toàn Đại học Huế và các đơn vị thành viên theo hướng thống nhất trong sự đa dạng;

b. Các giải pháp chủ yếu:

- Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý theo hướng tăng cường tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng, xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức đủ năng lực tương xứng với vai trò, vị trí của đại học trọng điểm quốc gia;

- Rà soát, chỉnh sửa và bổ sung hệ thống văn bản, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thành viên, phòng/ban theo hướng tăng cường tính gắn kết và phối hợp; hoàn thiện quy trình công tác, đảm bảo sự điều hành thống nhất và phát huy sức mạnh tổng hợp trong toàn Đại học Huế;

- Xây dựng văn hóa quản lý, tổ chức hỗ trợ, quan tâm và chia sẻ lẫn nhau, xây dựng môi trường công tác, giảng dạy và học tập chuẩn mực, đoàn kết, tôn trọng, vị tha và nhân ái trong toàn Đại học Huế;

- Phát triển hệ thống thông tin quản lý thống nhất của Đại học Huế theo mô hình đại học điện tử (e-University). Hệ thống CNTT được xây dựng thống nhất trong toàn Đại học Huế, đảm bảo hỗ trợ có hiệu quả tất cả các hoạt động của Đại học Huế và các đơn vị thành viên.

3.4.2. Nâng cao tính linh hoạt và phù hợp của chương trình đào tạo với nhu cầu phát triển vùng và khu vực

a. Các chỉ tiêu chính (đến năm 2015):

- Thực hiện đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy ở 100% ngành học và môn học; 100% ngành học đào tạo theo học chế tín chỉ, 100% môn học có giáo trình hoặc bài giảng in ấn; 100% cơ sở đào tạo được kiểm định chất lượng giáo dục;

- Xây dựng 10-15 ngành đào tạo trọng điểm, tiên tiến và đào tạo liên kết quốc tế, trong đó có 3-5 chương trình đào tạo đồng cấp bằng;

- Có cơ cấu ngành nghề đào tạo hợp lý trên cơ sở duy trì ổn định số lượng các ngành đào tạo đại học (khoảng 100 ngành), tăng mạnh các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ (khoảng 80-90 chuyên ngành) và chuyên ngành đào tạo tiến sĩ (khoảng 30-35 chuyên ngành); trong đó 10-15 ngành đào tạo liên kết; nâng số sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh quy đổi là 60.000; trong đó 70% là sinh viên chính quy, 15% học viên cao học, nghiên cứu sinh;

- Hoàn thiện 20-25 chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng cấp quốc gia ; 2-3 chương trình tham gia kiểm định chất lượng của mạng lưới đại học Đông Nam Á (AUN);

- Hiện đại hóa giáo trình, bài giảng, cơ sở học liệu, đảm bảo đến năm 2015, 100% các môn học, có ít nhất một giáo trình, bài giảng và hai tài liệu tham khảo đạt chuẩn khu vực. Hiện đại hóa thư viện điện tử nhằm kết nối, khai thác và chia sẻ tài nguyên thông tin với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế;

- Nâng cao tính hiệu quả của chương trình hiện hành, điều chỉnh chương trình đào tạo linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của xã hội;

- Tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp trong vòng 6 tháng sau khi tốt nghiệp đạt trên 80%.

b. Các giải pháp chủ yếu

- Tiếp cận, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của vùng và khu vực để rà soát các chương trình đào tạo hiện có, bổ sung, xây dựng các chương trình đào tạo mới theo nhu cầu phát triển;

- Thiết lập và quản lý quy trình xây dựng, phê duyệt và cập nhật các chương trình đào tạo, đảm bảo tuân theo các tiêu chí kiểm định chất lượng quốc gia, phù hợp với xu hướng và tiêu chuẩn quốc tế;

- Thiết lập một hệ thống đảm bảo chất lượng thống nhất với đội ngũ cán bộ chuyên trách có đủ năng lực chuyên môn và cơ chế hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt chu trình đảm bảo chất lượng;

- Hoàn thiện quy trình quản lý chu kỳ sinh viên thống nhất trong toàn Đại học Huế (từ khi nhập học, quá trình học tập, tốt nghiệp và trở thành cựu sinh viên);

- Thay đổi phương thức quản lý đào tạo theo hướng mềm dẻo, linh hoạt và đáp ứng yêu cầu của người học;

- Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu đồng bộ và cập nhật: phát triển và quản lý có hiệu quả hệ thống học liệu trong toàn Đại học Huế - Trung tâm Học liệu, các thư viện trường/khoa/viện nghiên cứu; mở rộng cổng thông tin của Đại học Huế với các trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học trên thế giới;

- Tăng cường tính chủ động của người học; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy - học; áp dụng các phương pháp dạy - học và tư duy hiện đại vào Đại học Huế; đa dạng hoá các hình thức kiểm tra - đánh giá đảm bảo tính chính xác, khách quan, đúng chất lượng đào tạo;

- Mở rộng, nâng cao chất lượng và tính bền vững của các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, các chương trình đồng cấp bằng; các chương trình module hoá, chương trình đào tạo từ xa dựa vào công nghệ thông tin hiện đại.

3.4.3. Nâng cao hiệu quả và sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và nhu cầu thực tiễn

a. Các chỉ tiêu chính (đến 2015):

- Tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đạt khoảng 5-10% tổng các nguồn thu của Đại học Huế;

- Tăng số lượng bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, trong đó có ít nhất 10% số bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín;

- Có ít nhất 05 công trình/sản phẩm nghiên cứu khoa học được đăng ký quyền sở hữu trí tuệ;

- Số lượng các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học liên kết quốc tế phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và khu vực là 10 -15 chương trình;

- Có ít nhất 05 các sản phẩm khoa học công nghệ của Đại học Huế có thương hiệu.

b. Các giải pháp chủ yếu

- Tiếp cận nhu cầu nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật cho vùng và khu vực của các Bộ ngành Trung ương và địa phương;

- Xây dựng các nhóm chuyên gia mạnh theo định hướng nghiên cứu đa ngành có khả năng triển khai các đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu mang tầm quốc gia và quốc tế;

- Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học góp phần phát triển năng lực đội ngũ cán bộ, tăng nguồn thu tài chính để phát triển cơ sở vật chất;

- Tiếp tục xây dựng và đẩy mạnh các hướng nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học mũi nhọn và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao vị thế của Đại học Huế và đáp ứng nhu cầu phát triển vùng và khu vực;

- Xây dựng các nhóm nghiên cứu – đào tạo mũi nhọn nhằm tăng tính gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Hình thành cơ chế, mô hình về dịch vụ, tư vấn khoa học nhằm gắn kết các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Đại học Huế với doanh nghiệp và địa phương;

- Nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học và các Tạp chí chuyên ngành của Đại học Huế ngang tầm khu vực và thế giới; xây dựng chế độ hỗ trợ, khen thưởng các công trình đạt giải cao, được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín.

3.4.4. Phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức theo hướng chuẩn hoá phù hợp với vai trò và vị trí của một đại học vùng trọng điểm

a. Các chỉ tiêu chính:

- Đến năm 2015 số lượng biên chế của Đại học Huế duy trì ổn định ở mức 4000 cán bộ, viên chức, trong đó 70% là giảng viên; 500 tiến sĩ khoa học, tiến sĩ; 250 giáo sư, phó giáo sư, 1500 thạc sĩ (trình độ từ thạc sĩ trở lên đạt tỷ lệ 80%); 50% giảng viên cao cấp và giảng viên chính; 5% nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú; đảm bảo 100% giảng viên đứng lớp đại học có trình độ thạc sĩ trở lên;

- Đảm bảo tỷ lệ hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ và giảng dạy của giảng viên là 2/1/7 (NCKH/DV/GD);

- Nâng cao trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ cán bộ chuyên môn, đảm bảo 80% giảng viên sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong chuyên môn, giao tiếp và ứng dụng được công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

- Đội ngũ cán bộ quản lý có tính chuyên nghiệp cao, trên 70% thông thạo nghiệp vụ quản lý và tin học, trên 50% sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp .

b. Các giải pháp chủ yếu:

- Chuẩn hóa và minh bạch hóa tiêu chuẩn cán bộ công chức, viên chức và quy trình công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, viên chức;

- Tăng cường ngân sách cho công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nhằm hình thành các hướng mũi nhọn trong đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để cán bộ viên chức tham gia các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ;

- Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút và đãi ngộ hiền tài.

3.4.5. *Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế nhằm đưa Đại học Huế trở thành một đầu mối giao lưu, hợp tác với các tổ chức, đại học uy tín trong khu vực và thế giới*

a. Các chỉ tiêu chính:

- Đảm bảo công tác hợp tác quốc tế thống nhất trong toàn Đại học Huế;

- Trở thành thành viên của tổ chức AUN-QA;

- Số lượng dự án hợp tác quốc tế, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng năm, số cán bộ và sinh viên đi tu nghiệp, nâng cao trình độ tăng trung bình 5%/năm.

b. Các giải pháp chủ yếu:

- Xây dựng và xúc tiến lộ trình gia nhập AUN-QA, APQN...

- Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế hướng theo mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tiếp tục mở rộng, phát triển các quan hệ hợp tác quốc tế đã và đang triển khai một cách có hiệu quả; tiến tới thành lập nhóm đối tác chiến lược hỗ trợ phát triển Đại học Huế và các quỹ hỗ trợ hợp tác quốc tế;

- Tăng cường hợp tác liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài;

- Chủ động xây dựng các dự án hợp tác về đào tạo và nghiên cứu;

- Tăng cường khai thác có hiệu quả các nguồn tài trợ từ các chính phủ và tổ chức quốc tế;

3.4.6. Đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính để hiện đại hoá cơ sở vật chất và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm.

a. Các chỉ tiêu chính:

- Hoàn thành cơ bản các công trình trong kế hoạch tại các trường đại học, đơn vị trực thuộc và khu vực Trường Bia; đầu tư xây dựng đủ phòng học; hệ thống các phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá;

- Cơ sở vật chất phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học được hiện đại hóa đạt các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia;

- Tăng tỷ trọng tổng nguồn thu bổ sung tại đơn vị đạt khoảng 40-50% so với tổng nguồn thu hoạt động thường xuyên;

- Tỷ lệ sinh viên có nhu cầu được đáp ứng chỗ ở trong ký túc xá đạt 50%.

b. Các giải pháp chủ yếu:

- Đầu tư có trọng tâm theo các mục tiêu đã đặt ra, ưu tiên các giải pháp tạo bước đột phá về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tăng cường khai thác các nguồn thu ngoài ngân sách: Xây dựng chế độ học phí, học bổng theo đặc thù và chất lượng của các chương trình đào tạo; đẩy mạnh liên kết đào tạo (trong nước và quốc tế), các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ khoa học - công nghệ; thành lập các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong trường đại học; tổ chức xây dựng và thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ khoa học - công nghệ lớn có tầm cỡ quốc gia, quốc tế; đẩy mạnh huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; có chính sách, chế độ khuyến khích thoả đáng đối với các tập thể, cá nhân có đóng góp hiệu quả làm tăng nguồn thu bổ sung cho Đại học Huế.

- Triển khai đúng tiến độ và có hiệu quả công tác xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về phòng học và phòng làm việc, chấm dứt tình trạng thuê mượn phòng học; đáp ứng cơ bản nhu cầu về trang thiết bị thí nghiệm và các cơ sở thực hành.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về trang bị, sử dụng quản lý tài chính, tài sản; phân cấp hợp lý cho các đơn vị trực thuộc quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc trang bị, quản lý, sử dụng tài sản được giao.

- Điều tiết các nguồn thu hợp lý nhằm hỗ trợ cho cán bộ, viên chức có thêm thu nhập cải thiện đời sống và làm việc tốt hơn. Khuyến khích tạo điều kiện cho các đơn vị trực thuộc tăng thêm nguồn thu hợp pháp, chính đáng từ nghề nghiệp và sức lao động của mình. Đồng thời tăng cường quản lý các nguồn thu và sử dụng nguồn thu đúng quy định của Nhà nước, chống các biểu hiện tham nhũng, tiêu cực, làm trái chế độ chính sách.

3.5. Các chương trình hành động chiến lược

3.5.1. Các chương trình chung

Chương trình 1: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu lực quản lý của Đại học Huế

- Rà soát sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý theo hướng tăng cường tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng;

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực tương xứng với vai trò, vị trí của một cơ sở đào tạo tiên phong, nòng cốt cho hệ thống giáo dục vùng;

- Xây dựng hệ thống văn bản, quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tất cả các đơn vị thành viên, phòng/ban theo hướng tăng cường tính gắn kết và phối hợp;

- Hoàn thiện quy trình công tác, đảm bảo sự điều hành thống nhất và phát huy sức mạnh tổng hợp trong toàn Đại học Huế;

- Chuẩn hóa và minh bạch hóa công tác quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.

Chương trình 2: Phát triển các chương trình đào tạo; nâng cao năng lực đào tạo và quản lý sinh viên

- Nghiên cứu và phát triển các chương trình đào tạo mới theo nhu cầu vùng và khu vực;

- Thiết lập và quản lý chu trình xây dựng, phê duyệt và cập nhật các chương trình đào tạo, đảm bảo tuân theo các tiêu chí kiểm định chất lượng quốc gia;

- Thiết lập một hệ thống đảm bảo chất lượng thống nhất với đội ngũ cán bộ chuyên trách có đủ năng lực chuyên môn và cơ chế hoạt động có hiệu quả;

- Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tăng cường tính chủ động của người học; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy – học;

- Đưa những phương pháp dạy - học và tư duy hiện đại vào Đại học Huế;

- Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra – đánh giá theo hướng đảm bảo tính chính xác và khách quan;

- Mở rộng, nâng cao chất lượng và tính bền vững của các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, chương trình đào tạo đồng cấp bằng;

- Module hóa các chương trình đào tạo, xây dựng các chương trình đào tạo từ xa dựa vào công nghệ thông tin hiện đại;

- Hoàn thiện quy trình quản lý chu kỳ sinh viên thống nhất trong toàn Đại học Huế (từ khi nhập học, quá trình học tập, tốt nghiệp và trở thành cựu sinh viên).

Chương trình 3: Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Tiếp tục đẩy mạnh các hướng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mang tính đặc thù, đặc trưng của khu vực;

- Ban hành quy định yêu cầu bắt buộc về số bài báo, số đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm đối với cán bộ giảng dạy theo học hàm, học vị;

- Xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mũi nhọn, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Đại học Huế và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Triển khai công tác đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ tại Đại học Huế;

- Thành lập các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong trường đại học.

Chương trình 4: Nâng cao năng lực hợp tác quốc tế

- Xây dựng mạng lưới cán bộ sinh viên Đại học Huế đã hoặc đang học tập và công tác tại nước ngoài làm đầu mối phát triển quan hệ quốc tế;

- Thành lập nhóm đối tác chiến lược hỗ trợ phát triển và các quỹ hỗ trợ hợp tác quốc tế cho Đại học Huế;

- Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế hướng theo mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Tăng cường hợp tác liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài;

- Chủ động xây dựng các dự án hợp tác nghiên cứu;

- Xây dựng quy trình hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng các tiêu chí đảm bảo chất lượng.

Chương trình 5: Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, viên chức

- Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để cán bộ, viên chức tham gia các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ;

- Tổ chức thống nhất việc khai thác Chương trình 322, Chương trình 20.000 tiền sĩ của Chính phủ và các chương trình học bổng khác để phát triển đội ngũ;

- Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài.

Chương trình 6: Hoàn thiện hệ thống thông tin của Đại học Huế

- Phát triển hệ thống thông tin quản lý thống nhất của Đại học Huế theo mô hình đại học điện tử (e-University);

- Đổi mới trang thông tin điện tử của Đại học Huế và các đơn vị thành viên;

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin lãnh đạo Đại học Huế;

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi mặt hoạt động của Đại học Huế.

Chương trình 7: Tăng cường nguồn lực tài chính

- Thành lập nhóm vận động thu hút nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho Đại học Huế;

- Đầu tư có trọng tâm theo các mục tiêu đã đặt ra, ưu tiên các giải pháp tạo bước đột phá về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Xây dựng chính sách phân bổ và tái phân bổ ngân sách hợp lý nhằm hỗ trợ cho cán bộ, viên chức có thêm thu nhập cải thiện đời sống và làm việc tốt hơn;

- Khuyến khích tạo điều kiện cho các đơn vị trực thuộc tăng thêm nguồn thu hợp pháp, chính đáng từ các hoạt động chuyên môn; khuyến khích những cá nhân và tập thể có thành tích trong việc thu hút tài trợ cho Đại học Huế từ các chương trình và dự án.

Chương trình 8: Phát triển học liệu

- Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu đồng bộ và cập nhật: phát triển và quản lý có hiệu quả hệ thống học liệu trong toàn Đại học Huế - Trung tâm Học liệu, các thư viện trường/khoa/viện nghiên cứu;

- Mở rộng công thông tin của Đại học Huế với các trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học trên thế giới;

- Hiện đại hóa giáo trình, bài giảng, cơ sở học liệu, đảm bảo đến năm 2015, 100% các môn học có ít nhất một giáo trình, bài giảng và hai tài liệu tham khảo đạt chuẩn khu vực;

- Xây dựng thư viện điện tử kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế.

Chương trình 9: Phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất

- Hoàn thành 50% các hạng mục theo quy hoạch tại khu quy hoạch Trường Bìa;

- Đảm bảo đủ phòng học theo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Đảm bảo đáp ứng cơ bản nhu cầu về phòng làm việc, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành;

- Xây dựng quy định thống nhất về việc quản lý, sử dụng tài sản;

- Tuyên truyền, vận động và khuyến khích các địa phương xây dựng ký túc xá dành cho sinh viên.

3.5.2. Các chương trình đặc thù

Chương trình 10: Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu một số ngành trọng điểm (2008-2012)

- Nâng cao tính linh hoạt, hiện đại và phù hợp của chương trình, nội dung và phương pháp dạy - học;

- Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và các kỹ thuật viên;

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của đội ngũ cán bộ giảng dạy;

- Hiện đại hóa phương tiện, thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học: phòng học, phòng hội thảo, phòng thí nghiệm và cơ sở thực hành chuyên ngành;

- Đáp ứng nhu cầu của sinh viên và giáo viên về sách tham khảo và giáo trình.

Chương trình 11: Nâng cao chất lượng và tính bền vững các chương trình liên kết quốc tế (2012-2015).

Chương trình 12: Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế (tiêu chuẩn AUN) (2012-2015).

3.6. Tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá kết quả đạt được

3.6.1. Tổ chức thực hiện

- Tuyên truyền và phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức đối với toàn bộ cán bộ, công chức, học sinh, sinh viên của Đại học Huế đối với việc thực hiện kế hoạch chiến lược;

- Tổ chức bộ máy và phân công thực hiện cho các cá nhân, bộ phận, đơn vị chức năng (trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực..);

- Xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện chiến lược chung của toàn Đại học Huế và của từng đơn vị thành viên theo từng giai đoạn chiến lược;

- Xây dựng ma trận hành động chiến lược (Các hoạt động chủ yếu). Mỗi một hoạt động cần chỉ rõ: mục tiêu cần đạt, thời gian thực hiện, các nguồn lực bảo đảm; cá nhân hoặc tổ chức nào chịu trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp; các chỉ số đầu ra (kết quả, hiệu quả, tác động...vv) ; cách đo và xác nhận các chỉ số;

- Các biện pháp, cơ chế tổ chức và chỉ đạo thực hiện ở các cấp;

- Các biện pháp ứng phó với sự thay đổi, rủi ro có thể xảy ra trong tương lai.

3.6.2. Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả

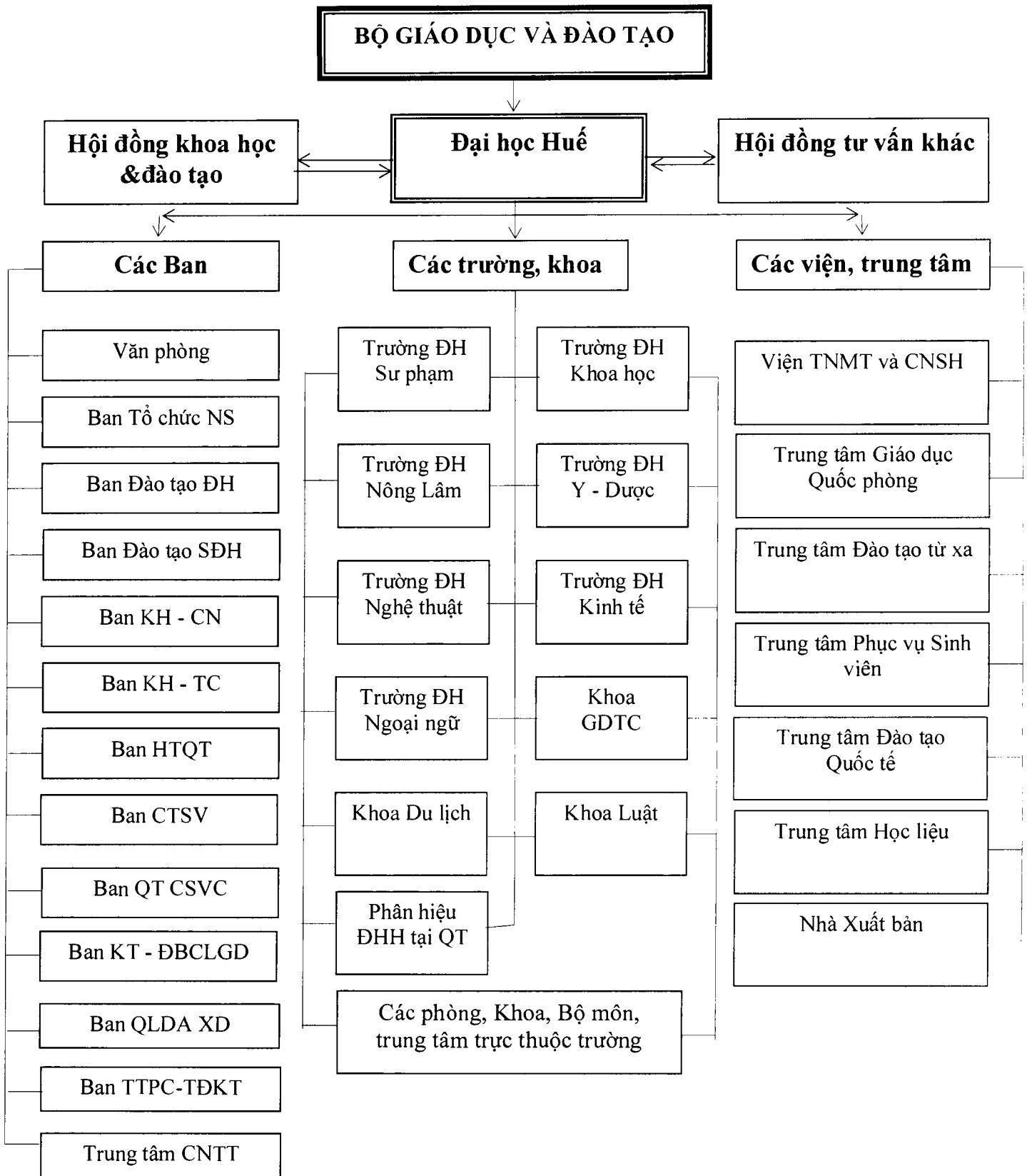
- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của từng tập thể và cá nhân, Giám đốc Đại học Huế phân công giám sát các hoạt động liên quan đến các mục tiêu và giải pháp chiến lược đã đề ra;

- Đánh giá theo từng chỉ số;

- Đánh giá theo từng mục tiêu;
- Đánh giá tổng thể;
- Tổng hợp lại mức đạt được về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo và đưa ra những đánh giá chung về hiện trạng đảm bảo chất lượng đào tạo của các đơn vị, khuyến nghị ưu tiên đầu tư trọng điểm để nâng cao chất lượng và hiệu quả của các trường, khoa, phân hiệu.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Đại học Huế



Phụ lục 2: Thống kê số lượng các chương trình đào tạo (2007-2012)

STT	Chương trình đào tạo	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
1.	Tiến sĩ	22	24	24	24	27
2.	Thạc sỹ*	63	63	64	65	67
3.	Chuyên khoa 2		24	24	24	25
4.	Chuyên khoa 1		30	30	30	27
5.	Đại học	87	89	95	97	99
6.	Cao đẳng	4	5	5	5	5

* Trên Bảng thống kê thể hiện số lượng chương trình Đại học Huế quản lý, một số chương trình được thực hiện ở 2 cơ sở đào tạo.

Phụ lục 3: Bảng thống kê tình hình nghiên cứu khoa học

STT	Cấp đề tài nghiên cứu	Năm 2009	Năm 2010
1.	Cấp nhà nước (bao gồm NVNCCB)	1	1
2.	Cấp Bộ	68	67
3.	Cấp Tỉnh	0	0
4.	Cấp Trường	196	297
5.	Chương trình/dự án, nghị định thư liên kết nước ngoài	2	2
6.	Dự án sản xuất thử	1	1

Phụ lục 4. Phân loại đội ngũ cán bộ công chức lao động cơ hữu

STT	Danh mục công chức	Năm 2011	Năm 2012
1.	Giảng viên	1886	1955
2.	Nghiên cứu viên	88	120
3.	Cán bộ hành chính/ phục vụ giảng dạy	1374	1159
	Tổng cộng	3348	3235

Phụ lục 5: Thống kê đội ngũ giảng viên cơ hữu theo trình độ

STT	Danh mục chức danh	Năm 2011	Năm 2012
1.	Giáo sư, Viện sĩ	5	7
2.	Phó giáo sư	126	138
3.	TSKH, Tiến sĩ	232	228
4.	Thạc sĩ	848	925
5.	Đại học	646	648
6.	Khác	8	10
	Tổng cộng	1865	1956

Phụ lục 6: Tổng số sinh viên bậc đại học hệ chính quy

Năm học 2007-2008		Năm học 2008-2009		Năm học 2009-2010		Năm học 2010-2011		Năm học 2011-2012	
Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
23.105	13.171	25.012	14.449	26.882	15.818	28.673	17.037	30.509	18.714

Phụ lục 7. Số lượng tuyển mới bậc đại học hệ chính quy

Năm học 2007-2008		Năm học 2008-2009		Năm học 2009-2010		Năm học 2010-2011		Năm học 2011-2012	
Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ
6.620	3.742	7.061	4.206	7.397	4.507	7.770	4.649	8.466	5.426

Phụ lục 8: Bảng thống kê cơ sở vật chất

STT	Danh mục	Năm 2009	Năm 2010
1.	Tổng diện tích đất sử dụng (m ²)	1.171.039	1.267.624
2.	Diện tích nhà làm việc (m ² sàn)	97.418	125.956
3.	Tổng số sách trong thư viện	1.010.432	1.099.344
4.	Tổng số máy tính	3.501	3.645
5.	Tổng giá trị vật kiến trúc và máy móc thiết bị (1.000 VNĐ)	367.856	350.786

Phụ lục 9: Bảng thống kê tình hình tài chính

Đơn vị: (1.000.000 VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2001- 2005	Giai đoạn 2006-2011					
			Thực hiện 2006	Thực hiện 2007	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Thực hiện 2011
	Tổng số thu của đơn vị	796.793	331.336	369.031	422.013	504.053	494.358	555.530
I	<i>Tổng số thu từ phí, lệ phí, thu khác</i>	401.919	207.340	210.916	236.222	273.010	278.962	278.829
1	Học phí	251.784	45.948	45.579	52.261	69.827	101.138	130.637

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2001-2005	Giai đoạn 2006-2011					
			Thực hiện 2006	Thực hiện 2007	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Thực hiện 2011
	- Chính quy	74.001	23.349	20.742	24.917	33.400	34.578	44.663
	- Không chính quy	177.783	22.599	24.837	27.345	36.427	66.560	85.973
2	Lệ phí	91.305	61.190	48.453	48.817	63.158	49.724	67.692
3	Liên kết đào tạo	-	80.132	95.462	105.896	109.853	94.500	80.500
4	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	-	1.939	2.281	9.099	8.292	4.269	
5	Thu sự nghiệp khác	58.830	18.131	19.141	20.149	21.881	29.331	
II	<i>Kinh phí NSNN cấp</i>	394.874	107.945	127.157	124.409	150.976	164.817	203.402
	<i>Dự toán chi thường xuyên</i>	328.485	91.347	102.607	98.413	120.752	136.600	162.707
1	Đào tạo ĐH-CĐ (490-502)	302.136	85.165	95.099	91.172	111.362	124.989	150.177
2	Đào tạo THPT (490-494)	3.038	250	280	294	330	370	450
3	Đào tạo THCN (490-497)	10.318	920	1.050	1.078	1.210	1.331	1.460
4	Đào tạo SDH (490-503)	12.993	5.012	6.178	5.869	7.850	9.910	10.620
	<i>Dự toán chi không thường xuyên</i>	66.389	16.598	24.550	25.996	30.225	28.217	40.695
5	Bồi dưỡng-ĐTL (490-504)	918	203	180	172	225	225	300
6	Sự nghiệp môi trường (280-281)	-	500	380	558	350	400	463

STT	Chi tiêu	Giai đoạn 2001-2005	Giai đoạn 2006-2011					
			Thực hiện 2006	Thực hiện 2007	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	Thực hiện 2010	Thực hiện 2011
7	Nghiên cứu khoa học (370-371)	32.669	5.510	13.260	18.101	20.556	17.911	22.764
8	Đào tạo LHS Lào (340-348)	903	2.085	1.530	919	994	681	923
	Đào tạo LHS Lào diện HĐ (490-348)							43
9	Điều tra khảo sát KTXH (430-431)	-		200	47	100		
10	Chương trình tin học (490-502-0113)	2.700	2.000	1.000	1.200	1.500	1.500	2.908
11	Chương trình sư phạm (490-502-0114)	8.500	1.500	2.500	100	500	500	
12	Tăng cường cơ sở vật chất trường học (490-502-0116)	20.700	4.800	5.500	4.900	6.000	7.000	13.294
13	Trang thiết bị đào tạo (490-502-0116)							

Phụ lục 10: Các chương trình hành động

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
A. Các chương trình chung					
1	Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu lực quản lý của Đại học Huế	<p>1. Rà soát sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý theo hướng tăng cường tính chuyên nghiệp của các bộ phận chức năng.</p> <p>2. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đủ năng lực tương xứng với vai trò, vị trí của một cơ sở đào tạo tiên phong, nòng cốt cho hệ thống giáo dục vùng.</p> <p>4. Xây dựng văn hóa tổ chức hỗ trợ, chia sẻ và quan tâm lẫn</p>	Ban TCNS	Phòng TCHC đơn vị trực thuộc	GD, PGD phụ trách nội chính, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
			Ban TCNS	Phòng TCHC đơn vị trực thuộc	GD, PGD phụ trách nội chính, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
			Ban TCNS	Công đoàn, Đoàn Thanh niên	GD, PGD phụ trách nội chính, Đại

nhau, tạo một môi trường công

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		<p>tác, giảng dạy và học tập chuẩn mực, đoàn kết, tôn trọng, vị tha và nhân ái trong toàn Đại học Huế.</p> <p>5. Xây dựng hệ thống văn bản, quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tất cả các đơn vị thành viên, phòng/ban theo hướng tăng cường tính gắn kết và phối hợp.</p>	Ban TCNS	<p>- Ban TT-PC TĐKT</p> <p>- Phòng TCHC đơn vị trực thuộc</p>	<p>điện lãnh đạo đơn vị trực thuộc</p> <p>GD, PGĐ phụ trách nội chính, đại điện lãnh đạo đơn vị trực thuộc</p>
		<p>6. Hoàn thiện quy trình công tác, đảm bảo sự điều hành thống nhất và phát huy sức mạnh tổng hợp trong toàn Đại học Huế.</p>	Ban TCNS	<p>- Văn phòng Đại học Huế</p> <p>- Phòng TCHC đơn vị trực thuộc</p>	<p>GD, PGĐ phụ trách nội chính, đại điện lãnh đạo đơn vị trực thuộc</p>
		<p>7. Chuẩn hóa và minh bạch</p>	Ban TCNS	- Phòng TCHC	GD, PGĐ phụ

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		hóa công tác quy hoạch, bổ nhiệm, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.		đơn vị trực thuộc	trách nhiệm chính, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
2	Phát triển các chương trình đào tạo; nâng cao năng lực đào tạo và quản lý sinh viên	8. Nghiên cứu và phát triển các chương trình đào tạo mới theo nhu cầu vùng và khu vực.	Ban ĐTDH, ĐTSDH	Các phòng ĐTDH, ĐTSDH đơn vị trực thuộc	PGĐ phụ trách đào tạo, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		9. Thiết lập và quản lý chu trình xây dựng, phê duyệt và cập nhật các chương trình đào tạo, đảm bảo tuân theo các tiêu chí kiểm định chất lượng quốc gia.	Ban ĐTDH, ĐTSDH	Ban KT-ĐBCLGD, các phòng ĐTDH, ĐTSDH, KT-ĐBCLGD đơn vị trực thuộc	PGĐ phụ trách đào tạo, Đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		10. Thiết lập một hệ thống đảm bảo chất lượng thống nhất với	Ban KT-ĐBCLGD	Ban TCNS, Phòng/Trung tâm	Phó GD phụ trách đào tạo,

đảm bảo chất lượng thống nhất với

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		<p>đội ngũ cán bộ chuyên trách có đủ năng lực chuyên môn và cơ chế hoạt động có hiệu quả.</p> <p>11. Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng tăng cường tính chủ động của người học; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy – học</p>	Ban ĐTDH, ĐTSĐH	KT&ĐBCLGD đơn vị trực thuộc Ban TCNS, các Phòng/Trung tâm KT&ĐBCLGD đơn vị trực thuộc	đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc Phó GD phụ trách đào tạo, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		<p>12. Đưa những phương pháp học và tư duy hiện đại vào Đại học Huế</p>	Ban ĐTDH, ĐTSĐH	Ban KT-ĐBCLGD, Phòng/Trung tâm KT&ĐBCLGD đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đào tạo, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		<p>13. Đa dạng hóa các hình thức kiểm tra – đánh giá theo hướng đảm bảo tính chính xác và khách quan</p>	Ban KT-ĐBCLGD	Ban ĐTDH, ĐTSĐH	Phó GD phụ trách đào tạo
		<p>14. Mở rộng, nâng cao chất</p>	Ban ĐTDH,	Ban KT-	Phó GD phụ

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		<p>lượng và tính bền vững của các chương trình đào tạo liên kết quốc tế, chương trình đào tạo đồng cấp bằng</p> <p>15. Module hóa các chương trình đào tạo, xây dựng các chương trình đào tạo từ xa dựa vào công nghệ thông tin hiện đại</p> <p>16. Hoàn thiện quy trình quản lý chu kỳ sinh viên (students' life cycle) thống nhất trong toàn Đại học Huế (từ khi nhập học, quá trình học tập, tốt nghiệp và trở thành cựu sinh viên).</p>	ĐTSĐH	ĐBCLGD, các phòng ĐTDH, ĐTSĐH, KT-ĐBCLGD đơn vị trực thuộc	trách đào tạo, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
3	Nâng cao năng lực	17. Tiếp tục đẩy mạnh các	Ban ĐTDH	Ban KT-ĐBCLGD, phòng CTSV các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đào tạo, Phó GD phụ trách đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
			Ban KHCN	Phòng KHCN các	Phó GD phụ

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
	ngiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ	hướng nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ mang tính đặc thù, đặc trưng của khu vực		đơn vị trực thuộc	trách KHCN, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		18. Ban hành quy định yêu cầu bắt buộc về số bài báo, số đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm đối với cán bộ giảng dạy theo học hàm, học vị	Ban KHCN	Phòng KHCN các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách KHCN, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		19. Ban hành quy định yêu cầu bắt buộc về số bài báo, số đề tài nghiên cứu khoa học hằng năm đối với cán bộ giảng dạy theo học hàm, học vị	Ban KHCN	Phòng KHCN các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách KHCN, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		20. Xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mũi nhọn, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Đại	Ban KHCN	Phòng KHCN các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách KHCN, đại diện lãnh đạo đơn vị

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		học Huế và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước			trực thuộc
		21. Triển khai công tác đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ tại Đại học Huế	Ban KHCN	Phòng KHCN các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách KHCN, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		22. Thành lập các doanh nghiệp khoa học công nghệ trong trường đại học	Ban KHCN	Phòng KHCN các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách KHCN, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
4	Nâng cao năng lực hợp tác quốc tế	23. Xây dựng mạng lưới cán bộ sinh viên Đại học Huế đã hoặc đang học tập và công tác tại nước ngoài làm đầu mối phát triển quan hệ quốc tế	Ban HTQT	Phòng HTQT các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đối ngoại, đại diện lãnh đạo đơn vị trực

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		24. Thành lập nhóm đối tác chiến lược hỗ trợ phát triển và các quỹ hỗ trợ hợp tác quốc tế cho Đại học Huế	Ban GD	Ban HTQT, Phòng HTQT các đơn vị trực thuộc	GD thuộc
		25. Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế hướng theo mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học	Ban HTQT	Ban ĐTDH, ĐTSDH, KHCN, KT-ĐBCLGD, phòng ĐTDH, ĐTSDH, KHCN, KT-ĐBCLGD các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đối ngoại, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		26. Tăng cường hợp tác liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài	Ban HTQT	Ban ĐTDH, ĐTSDH, phòng ĐTDH, SDH các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đào tạo, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		27. Chủ động xây dựng các dự án hợp tác nghiên cứu	Ban HTQT	Phòng HTQT các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đối ngoại, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		28. Xây dựng quy trình hoạt động hợp tác quốc tế theo đúng các tiêu chí đảm bảo chất lượng	Ban HTQT, KT-ĐBCLGD	Phòng HTQT, KT&ĐDBCLGD các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đối ngoại, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
5	Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, viên chức	29. Tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để cán bộ, viên chức tham gia các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ	Ban TCNS	Phòng TCHC các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách nhân sự, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		30. Tổ chức thống nhất việc	Ban TCNS	Ban HTQT,	Phó GD phụ

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		<p>khai thác Chương trình 322, Chương trình 20.000 tiến sĩ của Chính phủ và các chương trình học bổng khác để phát triển đội ngũ</p>		<p>ĐTSĐH, phòng HTQT, ĐTSĐH các đơn vị trực thuộc</p>	<p>trách nhân sự,</p>
		<p>31. Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài</p>	<p>Ban TCNS</p>		<p>Phó GD phụ trách nhân sự, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc</p>
<p>6</p>	<p>Hoàn thiện hệ thống thông tin Đại học Huế</p>	<p>32. Phát triển hệ thống thông tin quản lý thống nhất của Đại học Huế theo mô hình đại học điện tử (e-University)</p> <p>33. Đổi mới trang thông tin điện tử của Đại học Huế và các đơn vị thành viên</p>	<p>TT CNTT</p>	<p>TT CNTT</p>	<p>Phó GD phụ trách KHCN</p> <p>Phó GD phụ trách KHCN</p>

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		34. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin lãnh đạo Đại học Huế	TT CNTT	Văn phòng	Phó GD phụ trách KHCN
		35. Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của Đại học Huế	TT CNTT	Văn phòng	Phó GD phụ trách KHCN
7	Tăng cường nguồn lực tài chính	36. Thành lập nhóm vận động thu hút nguồn tài trợ trong và ngoài nước cho Đại học Huế	Ban GD	Ban HTQT, Ban KHCN, Ban CTSV	GD
		37. Đầu tư có trọng tâm theo các mục tiêu đã đặt ra, ưu tiên các giải pháp tạo bước đột phá về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học	Ban KHHC	Ban ĐTDH, ĐTSDH, KHCN, phòng KHHC các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách tài chính, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		<p>38. Xây dựng chính sách phân bổ và tái phân bổ ngân sách hợp lý nhằm hỗ trợ cho cán bộ, viên chức có thêm thu nhập cải thiện đời sống và làm việc tốt hơn</p> <p>39. Khuyến khích tạo điều kiện cho các đơn vị trực thuộc tăng thêm nguồn thu hợp pháp, chính đáng từ các hoạt động chuyên môn; khuyến khích những cá nhân và tập thể có thành tích trong việc thu hút tài trợ cho Đại học Huế từ các chương trình và dự án</p>	<p>Ban GD Ban KHTC</p> <p>Ban KHTC</p>	<p>Ban TCNS</p> <p>Phòng KHTC các đơn vị trực thuộc</p>	<p>GD</p> <p>Phó GD phụ trách tài chính</p>
8	Phát triển học liệu	40. Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu đồng bộ và cập nhật: phát triển và quản lý có	TTHL	Ban ĐTDH, phòng ĐTDH các đơn vị trực thuộc	Phó GD phụ trách đào tạo

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		<p>hiệu quả hệ thống học liệu trong toàn Đại học Huế - Trung tâm Học liệu, các thư viện trường/khoa/viện nghiên cứu</p>			
		<p>41. Mở rộng công thông tin của Đại học Huế với các trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học trên thế giới</p>	TT CNTT	TT Học liệu	Phó GD phụ trách KHCN
		<p>42. Hiện đại hóa giáo trình, bài giảng, cơ sở học liệu, đảm bảo đến năm 2015, 100% các môn học có ít nhất một giáo trình, bài giảng và hai tài liệu tham khảo đạt chuẩn khu vực</p>	Ban ĐTDH, ĐTSĐH	TT Học liệu	Phó GD phụ trách đào tạo
		<p>43. Xây dựng thư viện điện tử kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu với các trường đại học, các</p>	TT CNTT	TT Học liệu	Phó GD phụ trách KHCN

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		viện nghiên cứu trong nước và quốc tế			
		44. Hoàn thành 50% các hạng mục theo quy hoạch tại khu quy hoạch Trường Bìa	Ban QLDAXD	Ban CSVC	Giám đốc
		45. Đảm bảo đủ phòng học theo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục	Ban CSVC	Ban QLDAXD, Ban KT- ĐBCLGD	Giám đốc
		46. Đảm bảo đáp ứng cơ bản nhu cầu về phòng làm việc, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành	Ban QLDAXD	Ban CSVC	Giám đốc
	Phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất	47. Xây dựng quy định thống nhất về việc quản lý, sử dụng tài sản	Ban CSVC	Phòng QTCSVC các đơn vị trực thuộc	Giám đốc, đại diện lãnh đạo đơn vị trực thuộc
		49. Tuyên truyền, vận động và	Ban GĐ	TT PVSU, Ban	Giám đốc

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		khuyến khích các địa phương xây dựng ký túc xá dành cho sinh viên		QLDAXD	
B. Các chương trình đặc thù					
10	Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu một số ngành trọng điểm	50. Nâng cao tính linh hoạt, hiện đại và phù hợp của chương trình, nội dung và phương pháp dạy - học	Ban ĐP DAGD	Các trường thành viên	Phó GD phụ trách dự án
		51. Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và các kỹ thuật viên			
		52. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của đội ngũ cán bộ giảng dạy			
		53. Hiện đại hóa phương tiện, thiết bị và cơ sở vật chất phục			

STT	Tên chương trình hành động	Các nhiệm vụ	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp	Lãnh đạo phụ trách
		vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; phòng học, phòng hội thảo, phòng thí nghiệm và cơ sở thực hành chuyên ngành			
		54. Đáp ứng nhu cầu của sinh viên và giáo viên về sách tham khảo và giáo trình			
11	Nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế (tiêu chuẩn AUN – mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á)	55. Hoàn thành bộ tiêu chí tự đánh giá theo chuẩn AUN và triển khai tự đánh giá 5-7 chương trình đào tạo theo AUN-QA 56. Đăng ký kiểm định AUN 1-2 chương trình đào tạo	Ban KT&ĐBCLGD	Ban HTQT, ĐPDAGD, các khoa có chương trình tham gia đánh giá	Phó GD phụ trách đào tạo, lãnh đạo đơn vị trực thuộc

Phụ lục 11: Chỉ tiêu kế hoạch tuyển mới giai đoạn 2012-2015

STT	Trình độ đào tạo	Kế hoạch 2012-2015			
		2012	2013	2014	2015
I	Đào tạo sau đại học	2.560	2.910	3.150	3.500
1	Tiến sĩ	90	110	130	150
2	Thạc sĩ	1.700	2.000	2.200	2.500
3	Chuyên khoa cấp 1, cấp 2	770	800	820	850
II	Đào tạo đại học	18.500	18.800	19.000	19.300
1	Hệ chính quy	10.500	10.800	11.000	11.300
2	Vừa làm vừa học, liên thông, B2	8.000	8.000	8.000	8.000
III	Đào tạo cao đẳng	300	300	300	300
1	Hệ chính quy	300	300	300	300
IV	Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp	300	300	300	300
1	Hệ chính quy	300	300	300	300
V	Đào tạo khác	120	120	120	120
1	Đào tạo năng khiếu, dân tộc nội trú	120	120	120	120

Phụ lục 12: Quy mô đào tạo giai đoạn 2010-2015

STT	Trình độ đào tạo	Kế hoạch năm 2010-2015					
		2010	2011	2012	2013	2014	2015
I	Đào tạo sau đại học	3.519	3.942	4.412	4.652	5.022	5.392
1	Tiến sĩ	101	120	140	160	180	200
2	Thạc sĩ	2.376	2.600	3.000	3.200	3.500	3.800
3	Chuyên khoa cấp 1, cấp 2	1.042	1.222	1.272	1.292	1.342	1.392
II	Đào tạo đại học	46.386	54.300	60.617	64.582	66.982	68.282
1	Hệ chính quy	27.247	31.990	36.205	39.604	41.904	43.204
2	Vừa làm vừa học, liên thông, B2	19.139	22.310	24.412	24.978	25.078	25.078
III	Đào tạo cao đẳng	602	777	900	900	900	900
1	Hệ chính quy	602	777	900	900	900	900
IV	Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp	437	600	600	600	600	600
1	Hệ chính quy	437	600	600	600	600	600
V	Đào tạo khác	241	263	288	298	302	311
1	Đào tạo năng khiếu, dân tộc nội trú	241	263	288	298	302	311

Phụ lục 13: Quy mô phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2011-2015

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
<i>I</i>	<i>Nhà học</i>		
1	Nhà học KH4 trường Đại học Khoa học	m ²	5.250
2	Nhà học số 02 trường Đại học Ngoại ngữ	m ²	4.000
3	Nhà học và văn phòng khoa trường Đại học Kinh tế	m ²	4.000
4	Nhà học số 03 trường Đại học Ngoại ngữ	m ²	4.000
5	Phòng học và đào tạo quốc tế số 04 Lê Lợi	m ²	6.000
6	Khu ký túc xá	m ²	2.000
7	Nhà học trường Đại học Nghệ thuật	m ²	5.000
8	Trường thực hành Sư phạm	m ²	8.000
9	Trung tâm thí nghiệm trường Đại học Nông lâm	m ²	4.000
10	Nhà thí nghiệm trường Đại học Nông lâm	m ²	1.100
11	Các công trình nhà học và nhà làm việc khác	m ²	15.000
	<i>Tổng diện tích</i>	<i>m²</i>	<i>58.350</i>
<i>II</i>	<i>Bảo trì và chống xuống cấp</i>	<i>m²</i>	<i>25.000</i>

Phụ lục 14: Kinh phí đầu tư cho phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2011-2015

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng/m ²)	Thành tiền (triệu đồng)	Nguồn tự cân đối	Ngân sách nhà nước
1	Xây dựng cơ bản	58.350m ²	5	291.750	58.350 (20%)	233.400 (80%)
2	Bảo trì và chống xuong cấp	25.000m ²	1	25.000		25.000
3	Mua sắm trang thiết bị			150.000		150.000
	<i>Tổng cộng</i>			466.750	58.350	408.400